**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**KHOA: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

***(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án)***

**(Áp dụng từ Khóa 62)**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Bùi Thị Cần**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916.811.309; Email: canbt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Lí luận và PPDH bộ môn GDCD.

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Phạm Thị Bình**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: khoa Chính trị - Báo chí, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983.551387; email: binhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lí luận và PPDH bộ môn GDCD.

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983067973; Email: [htnga@vinhuni.edu.vn](mailto:htnga@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Lí luận và PPDH bộ môn GDCD.

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Thi**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0978.503.623; Email: [kimthi@vinhuni.edu.vn](mailto:kimthi@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật**  (tiếng Anh): Developing the curriculum of Economic and Legal Education | | |
| - Mã số học phần: POL30044 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục Chính trị | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 5  + Số tiết lý thuyết: 30  + Số tiết thảo luận: 15  + Số tiết thực hiện dự án: 30  + Số tiết tự học: 150 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Giáo dục học | | Mã số HP: EDU20006 |
| + Học phần học trước: Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật | | Mã số HP: POL30044 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo của học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: PPDH Chính trị - Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa GDCT, Trường SP  Điện thoại: Email: giaoducchinhtri2021@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần **Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật** là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về phát triển chương trình phổ thông nói chung và phát triển chương trình môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật, đồng thời giúp người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp của bộ môn tại trường phổ thông. Từ đó, người học có nhận thức đúng đắn về vai trò của mình trong việc phát triển chương trình môn học; có kế hoạch, phương pháp học tập, vận dụng vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần **Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật** giúp người học lĩnh hội được kiến thức và vận dụng kiến thức phát triển chương trình môn học trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục ở trường phổ thông. Đồng thời giúp người học rèn luyện được các kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực, kĩ năng hợp tác, làm việc nhóm thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông; thể hiện đạo đức, phong cách nhà giáo cũng như hình thành được ý tưởng/Thiết kế/Triển khai hoạt động phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Giáo dục Chính trị***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | | | |
| ***PLO1.3*** | ***PLO2.1*** | | ***PLO2.2*** | | ***PLO3.1*** | | ***PLO4.1*** | ***PLO 4.2*** | | |
| 1.3.2. | 2.1.1. | 2.1.2. | 2.2.1. | 2.2.2 | 3.1.1 | 3.1.2. | 4.1.2. | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 |
| CLO1.1 | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 0.5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 0.5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  | 0.5 | 0.5 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  |  | 0.5 | 0.5 |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  |  | 1.0 |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 0.4 | 0.4 | 0.2 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Vận dụng kiến thức cơ bản về phát triển chương trình phổ thông | Thuyết giảng/  Thảo luận | Câu hỏi tự luận/ vấn đáp |
| CLO1.2 | K3 | Vận dụng kiến thức cơ bản về phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật | Thuyết giảng/  Thảo luận | Câu hỏi tự luận/ vấn đáp |
| CLO2.1 | S3 | Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề | Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm | Bảng kiểm/  Phiếu đánh giá |
| CLO2.2 | S3 | Thể hiện kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực | Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm | Bảng kiểm/  Phiếu đánh giá |
| CLO2.3 | A4 | Thể hiện đạo đức và phong cách nhà giáo | Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm | Bảng kiểm/  Phiếu đánh giá |
| CLO3.1 | S4 | Thực hiện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm | Trải nghiệm /hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.1 |  | Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật | Thực hành/ trải nghiệm/ hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2 |  | Hình thành được ý tưởng/thiết kế/triển khai đề tài dự án về phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật | Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá**  **(%)** | **Tỷ lệ**  **cho học phần**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | **50%** |
| A1.1 | - Sự chuyên cần, thái độ học tập, tác phong và đạo đức nhà giáo trong giờ lên lớp và tự học, thảo luận.  - GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Quan sát, điểm danh/ Phiếu đánh giá  (Rubrics ) | CLO1.1 | 30% | 10% |
| CLO1.2 | 30% |
| CLO2.2 | 20% |
| CLO2.3 | 20% |
| A1.2 | Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ  *(Đánh giá cá nhân từng SV; GV đánh giá và lưu hồ sơ).* | Câu hỏi tự luận  (Đáp án) | CLO1.1 | 50% | 20% |
| CLO1.2 | 50% |
| A1.3 | - Bài tập nhóm (Bản kế hoạch dự kiến của nhóm về trường phổ thông)  - GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics ) | CLO2.1 | 20% | 20% |
| CLO2.2 | 20% |
| CLO2.3 | 20% |
| CLO3.1 | 40% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | |  | **50%** | **50%** |
| A2.1 | - Sản phẩm dự án học phần (file word+bản in+slide báo cáo)  - GV lưu hồ sơ minh chứng trên elearning | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | CLO1.1 | 15% |  |
| CLO1.2 | 15% |
| CLO2.1 | 10% |
| CLO2.2 | 10% |
| CLO2.3 | 10% |
| CLO3.1 | 10% |
| CLO4.1 | 15% |
| CLO4.2 | 15% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**Bảng 1. Rubric đánh giá A1.1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 100% bài tập, trả lời tốt các câu hỏi.  - Chủ động nêu câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Kỉ luật, *tương đối* chủ động, tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 80% các bài tập.  - Tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 50% các bài tập.  - Tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, thụ động trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập.  - Không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá Bản kế hoạch (Bản kế hoạch dự kiến của nhóm về trường phổ thông) A1.3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung**  ***(6 điểm)*** | - Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung cụ thể, rõ ràng; lập được đầy đủ, chi tiết các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể.  - Đưa ra được một số ý tưởng mới; Dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung khá cụ thể, khá rõ ràng; lập được các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa thật sự đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa thực sự cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng chưa cụ thể.  - Đưa ra được một ý tưởng mới; dự kiến được một ít nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng; lập được một số hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng khá sơ sài.  - Đưa ra được ý tưởng mới nhưng chưa phù hợp với nội dung trải nghiệm; chưa dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng rất ít và không cụ thể, rõ ràng; lập được rất ít các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm và kế hoạch quá sơ sài.  - Dường như không phân công nhiệm vụ, không có nội quy và đánh giá nhóm.  - Không dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Báo cáo và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 3.1. Rubric đánh giá dự án học phần (A2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Số lượng và hình thức của sản phẩm**  *(2 điểm)* | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, có hình ảnh minh hoạ phù hợp. | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh hoạ nhưng chưa thực sự phù hợp. | - Thiếu 1 sản phẩm.  - Cấu trúc chưa chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. | Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên.  - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. |
|  | **8.0 – 7.0** | **6.0 - 5.0** | **4.0 – 3.0** | **2.0 - 0** |
| **Nội dung bản báo cáo**  *(8 điểm)* | - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và đề xuất một số giải pháp khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị cụ thể | - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ nhưng chưa chi tiết các nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét các nội dung đó nhưng chưa chi tiết.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và một đề xuất một số giải pháp nhưng chưa thực sự khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có các đề xuất, kiến nghị nhưng chưa thực sự cụ thể. | - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày chưa đầy đủ, và không chi tiết các nội dung đã tìm hiểu, có nhận xét các nội dung đó nhưng sơ sài.  - Đưa ra được một số định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực nhưng chưa đề xuất được giải pháp.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, nhưng chưa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị nhưng chưa cụ thể. | - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày thiếu nhiều nội dung đã tìm hiểu và không nhận xét các nội dung đó.  - Đưa ra được rất ít định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và không đề xuất được giải pháp.  - Không so sánh với kế hoạch đã lập ra, và không rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; không có đề xuất, kiến nghị. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ …….……………………………………...………….)** | | | | |

**Bảng 3.2. Rubric đánh giá kĩ năng thuyết trình**

**và slide trình chiếu dự án học phần (A2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 – 0** |
| **1. Nội dung trình bày**  ***(2 điểm)*** | Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật. | Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật. |
| **2. Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu)**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức trình bày tốt *(hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức khá tốt *(hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức chưa tốt (*hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông*); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.  - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu *(không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn*); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.  - Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ**  ***(2 điểm)*** | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lý và tự nhiên. | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên. | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe.  - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe.  - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. |
| **4. Tương tác với khán giả**  ***(2 điểm)*** | - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả *(nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả).*  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích. | - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả.  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác. | - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả. | - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả.  - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả. |
| **5. Quản lí thời gian và hợp tác nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Thời gian trình bày đúng thời gian quy định.  - Phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).  - Phân chia công việc khá hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút).  - Phân chia công việc chưa hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và ít có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên).  - Phân chia công việc không hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và dường như không sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ: ………………………………………….………….…………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Tài liệu mô đun 1, Chương trình môn Giáo dục công dân 2018,* Hà Nội, 2019.

[2] Nguyễn Đức Chính (Chủ biên), Vũ Lan Hương: *Phát triển chương trình giáo dục,* NXB Giáo dục Việt Nam, 2015.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.* Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 75 tiết, trong đó có: **30 tiết lí thuyết; 15 thảo luận; 30 tiết dự án học phần.**

Nội dung của học phần Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật gồm:

**Tuần 1,2,3,4,5,6,7,8,9:**

**Phần 1**: 3 tín chỉ (30 lý thuyết +15 thảo luận)

**Phần lý thuyết và thảo luận**

**gồm 3 chương:**

Chương 1: LÍ THUYẾT VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH

Chương 2: CĂN CỨ VÀ NỘI DUNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

Chương 3: NHỮNG YÊU CẦU CỦA QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

**SV chú ý các nội dung:**

**1)** Phân tích một số khái niệm cơ bản, tập trung làm rõ khái niệm phát triển chương trình môn học; phân tích qui trình phát triển chương trình môn học; phân tích chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật 2018;

**2)** Phân tích đặc điểm, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật;

**3)** Phân tích căn cứ, nội dung phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật;

**4)** Phân tích các nguyên tắc và điều kiện phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

**Tuần 10,11,12,13,14,15:**

**Phần 2:** 2 tín chỉ: Trải nghiệm phổ thông và thực hiện dự án học phần (tùy tình hình GV hướng dẫn SV tìm hiểu thực tế ở trường phổ thông (2 tuần) theo kế hoạch của khoa/nhà trường.

Số tiết theo tín chỉ như sau:

***Tín chỉ 1,2,3:*** **Chương 1 và chương 2, chương 3: 30 tiết** (lí thuyết và elearning), 15 tiết (thảo luận) và xây dựng kế hoạch/đề cương: (**tuần 1,2,3,4,5,6,7,8,9).**

***Tín chỉ 4,5***: Trải nghiệm thực tế phổ thông (thực hiện trải nghiệm thực tế phổ thông và thu thập dữ liệu cho dự án (Phân công SV theo nhóm về trường phổ thông tuần **10, 11);** Thực hiện viết đồ án, hoàn thiện đồ án môn học được diễn ra ở tuần 12 đến hết tuần 15 **(tuần 12,13,14,15)**.

*Chú ý:* *Hoạt động đi thực tế phổ thông 2 tuần để tìm hiểu Phát triển CTGDPT có thể điều chỉnh theo kế hoạch của nhà trường.*

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm bài thảo luận học phần***

- Tham gia 100% các buổi làm việc nhóm, thảo luận hoàn thành bài thảo luận/ thực hành của nhóm.

- Tham gia tích cực các hoạt động học

- Tuân thủ các quy định của giáo viên và của nhóm.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao.

**8.4. Phụ trách học phần**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh.

- Địa chỉ/email: số 182 - Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khoa GDCT/Trường Sư phạm** | **Giảng viên**  **TS. Bùi Thị Cần** |

**Phụ lục 1. Chuẩn đầu ra của CTĐT phân nhiệm cho học phần “Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật”**

**( CTĐT ngành Giáo dục Chính trị)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR của CTĐT** | | **TĐNL phân cho HP** |
| ***CĐR*** | ***Nội dung*** |
| 1.3.2. | Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật | K3 |
| 2.1.1. | Thể hiện kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực | S3 |
| 2.2.1. | Thể hiện đạo đức nhà giáo | A3 |
| 2.2.2. | Thể hiện phong cách nhà giáo | A3 |
| 4.1.2. | Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật | C3 |
| 4.2.1. | Hình thành ý tưởng về phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật | C3 |
| 4.2.2. | Thiết kế hoạt động phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật | C3 |
| 4.2.3. | Triển khai hoạt động phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật | C3 |

**Phụ lục 2. Ký hiệu về trình độ năng lực (TĐNL) và đối sánh với các thang phân loại**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Mức độ thành thạo dựa vào hoạt động*** | Crawly, 2001 | Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua | Có thể tham gia vào và đóng góp | Có thể hiểu và giải thích | Có kỹ năng trong thực hành hoặc thực hiện | Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới |
| MIT | 0.1 🡪 1.0 | 1.1 🡪 2.4 | 2.5 🡪 3.4 | 3.5 🡪 4.4 | 4.5 🡪 5.0 |
|  | **C1** | **C2** | **C3** | **C4** | **C5** |
| ***Lĩnh vực về nhận thức*** | Bloom, 1956 | **-----** | - Biết | - Hiểu | - Áp dụng  - Phân tích | - Tổng hợp  - Đánh giá |
| Anderson et al., 2001 | **-----** | - Nhớ | - Hiểu | - Áp dụng  - Phân tích | - Đánh giá  - Sáng tạo |
|  |  | **K2** | **K3** | **K4** | **K5** |
| ***Lĩnh vực về tâm vận động*** | Simpson, 1972 | - Nhận thức  - Thiết lập | - Làm theo hướng dẫn | - Thuần thục | - Thành thạo kỹ năng phức tạp  - Thích ứng | - Sáng chế |
| Dave, 1975 | - Bắt chước có quan sát | - Làm lại theo cấu trúc nội tâm | - Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp | - Hoàn thiện thứ tự các hoạt động | - Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới |
|  | **S1** | **S2** | **S3** | **S4** | **S5** |
| ***Lĩnh vực về cảm xúc*** | Krathwohl, Bloom & Masia, 1973 | **-----** | - Tiếp nhận hiện tượng | - Phản ứng với hiện tượng | - Chấp nhận giá trị (Valuing) | - Tổ chức  - Ứng xử |
|  |  | **A2** | **A3** | **A4** | **A5** |